

令和 8 年度保育所等使用案内

Hướng dẫn về gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ

1. Danh sách các nhà trẻ	Trang 1
2. Chứng nhận nhu cầu trông trẻ	Trang 3
3. Tiêu chuẩn về việc gửi trẻ và khi trẻ rời khỏi cơ sở trông trẻ	Trang 5
4. Về quy trình thủ tục và hồ sơ đăng ký gửi trẻ	Trang 6
Hỏi đáp về đăng ký gửi trẻ Q&A	Trang 9
5. Bảng chỉ số xét duyệt đăng ký gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ	Trang 10
(Năm Reiwa 8)	Trang 11
6. Về phí ăn trưa, phí trông trẻ và phí trông trẻ ngoài giờ	Trang 16
Hỏi đáp khi bắt đầu gửi trẻ Q&A	Trang 17
7. Về những dịch vụ trông trẻ khác	Trang 19

Sau đây là các cơ sở trông trẻ và doanh nghiệp được cấp phép thực hiện trông trẻ tại Thành Phố Toyoake. Nếu người giám hộ có nguyện vọng gửi trẻ tại nhà trẻ, trường mẫu giáo tích hợp (bộ phận trông trẻ), dịch vụ trông trẻ theo mô hình địa phương, cần thiết phải đọc kỹ trước khi tiến hành thủ tục đăng ký.

Loại hình	目 的
Nhà trẻ	Đây là những cơ sở trông trẻ thay cho người giám hộ khi người giám hộ không thể chăm sóc trẻ tại nhà với lý do làm việc.
Trường mẫu giáo tích hợp (Bộ phận trông trẻ) ※	Đây là cơ sở trông trẻ có đặc thù và kỹ năng của cả nhà trẻ và trường mẫu giáo, tích hợp giữ trẻ và giáo dục.
Dịch vụ trông trẻ theo mô hình địa phương.	Đây là dịch vụ trông trẻ từ 0~2 tuổi với số lượng ít thay cho người giám hộ không thể chăm sóc trẻ tại nhà do công việc...

(※) Trường hợp có nguyện vọng đăng ký gửi trẻ vào Bộ phận mẫu giáo, hãy liên hệ trực tiếp tới trường mẫu giáo.



Thành phố Toyoake
豊 明 市
Phòng nhà trẻ- Trụ sở hành
chính thành phố Toyoake
豊 明 市 役 所 こ ども 保 育 課
TEL:0562-92-1120(直通)
FAX:0562-92-1168
〒470-1195 豊明市新田町子持松1番地1



1. Danh sách các cơ sở trông trẻ

【Biểu1. Danh sách các cơ sở trông trẻ trong thành phố Toyoake】

Phân loại	Tên cơ sở trông trẻ	Địa chỉ・Số điện thoại	Số lượng quy định	Thời gian trông trẻ vào ngày thường	Thời gian trông trẻ vào thứ bảy (※1)	利用可能期間(※3) 令和8年4月1日時点	Loại hình công lập, tư lập
保育所	① Aoitōri	三崎町高橋 1-1 TEL:0562-92-6666	174	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 1 tuổi đến trước khi nhập học	Công lập
	② Futamuradai	二村台3丁目 1-1 TEL:0562-92-1500	150	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 4 tháng tuổi đến trước khi nhập học	Công lập
	③ Yakata	栄町西大根 30-273 TEL:0562-97-0800	142	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 4 tháng tuổi đến trước khi nhập học	Công lập
	④ Chubu	新田町門先 10-10 TEL:0562-92-7667	195	7:30 ~ 18:30		Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi nhập học	Công lập
	⑤ Sakae	新栄町二丁目 333 TEL:0562-97-1900	173	7:30 ~ 18:30		Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi nhập học	Công lập
	⑥ Nanbu	栄町坂畑 100 TEL:0562-97-2811	88	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 4 tháng tuổi đến trước khi nhập học	Công lập
	⑦ Seibu	間米町鶴根 1212-66 TEL:0562-93-7781	90	7:30~18:30	7:30~18:30 (※2)二村台保育園にて	Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi nhập học	Công lập
	⑧ Mutsumi	阿野町西ノ海戸 19-2 TEL:0562-92-0137	130	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi trước khi nhập học	Tư lập
	⑨ Karatake	間米町唐竹 368-7 TEL:0562-93-3737	130	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 57 ngày tuổi trước khi nhập học	Tư lập
	⑩ Mamina	新栄町三丁目 308 TEL:0562-98-1116	30	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4)	Tư lập
	⑪ Shiraho Tobu	沓掛町小所 80 TEL:0562-57-2430	120	7:00~19:00	7:00~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi trước khi nhập học	Tư lập
	⑫ Kutsukakekeyaki	沓掛町東本郷 178 TEL:0562-57-6630	110	7:00~19:00	7:00~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi đến trước khi nhập học	Tư lập
	⑬ Aiguran Hoikuen Uchiyama	栄町内山 67-5 TEL:0562-57-5590	100	7:00~19:00		Trẻ từ 57 ngày tuổi đến tuổi đi học	Tư lập
地域型保育事業	⑭ Memorytree Misaki	三崎町中ノ坪 21-10 TEL:0562-74-8901	19	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 4 tháng tuổi đến 2 tuổi (※4)	Tư lập
	⑮ Memorytree Zengo	阿野町北上ノ山 42-10 TEL:0562-74-9401	19	7:30 ~ 19:00		Trẻ từ 4 tháng tuổi đến 2 tuổi (※4)	Tư lập
	⑯ Toyoake Nakayoshi	大久保町西 53-10 TEL:0562-92-7826	19	7:30~19:00	7:30~18:30	Trẻ từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4)	Tư lập
	⑰ Kanade attached to Chukyo Satellite Clinic	沓掛町石畑 192 TEL:0562-57-0082	30人	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4)	Tư lập
(認定こども園 (保育所部分))	⑱ Rejoice	二村台2丁目 9-1 TEL:0562-92-1943	107	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 6 tháng tuổi trước khi nhập học	Tư lập
	⑲ Toyoake (tên tạm thời)	沓掛町山新田 10-15 TEL:0562-92-3121	79	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 6 tháng tuổi đến trước khi nhập học	Tư lập
	⑳ Akatsuki (tên tạm thời)	栄町大原 37 TEL:0562-97-1266	116	7:30 ~ 18:30		Trẻ từ 6 tháng tuổi đến trước khi nhập học	Tư lập

(※1) Thời gian gửi trẻ vào thứ Bảy được giới hạn theo thời gian cần thiết cho công việc của người giám hộ (Chỉ giới hạn trong trường hợp có thể xác nhận qua giấy chứng nhận làm việc, v.v...)

(※2) Việc trông trẻ vào thứ Bảy sẽ được gộp chung tại các cơ sở trông trẻ được liệt kê.

(※3) Đối với việc tiếp nhận lớp trẻ 0 tuổi, sẽ tính theo tháng tuổi tại thời điểm bắt đầu gửi.

(※4) Sẽ ưu tiên chuyển trường theo nguyện vọng đăng ký khi trẻ lên lớp 3 tuổi (Lớp nhỏ)

Thời gian trông trẻ thông thường theo như bảng dưới đây. Ngoài ra còn có những khung giờ thích ứng với tình trạng công việc của người giám hộ, có thể gửi trẻ qua khung thời gian trông trẻ thông thường và thứ bảy nhưng cần thiết phải đăng ký trước tại các cơ sở trông trẻ. Hãy liên hệ trực tiếp tới các cơ sở trông trẻ để biết thông tin chi tiết (Về phí trông trẻ hãy tham khảo trang 13)

	Tên nhà trẻ	Thời gian
Trông trẻ thông thường	Tất cả các cơ sở trông trẻ ngoại trừ nhà trẻ Mutsumi, Toyoake, Akatsuki (tên tạm thời)	8 giờ 15 phút ~ 16 giờ 15 phút
	Nhà trẻ Mutsumi, Toyoake, Akatsuki (tên tạm thời)	8 giờ ~ 16 giờ

Bản đồ các cơ sở trông trẻ trong Thành Phố



Ngày tháng năm sinh	Lớp tương ứng
Ngày 2 tháng 4 năm 2025～	Trẻ 0 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2024～ Ngày 1 tháng 4 năm 2025	Trẻ 1 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2023～ Ngày 1 tháng 4 năm 2024	Trẻ 2 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2022～ Ngày 1 tháng 4 năm 2023	Trẻ 3 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2021～ Ngày 1 tháng 4 năm 2022	Trẻ 4 tuổi
Ngày 2 tháng 4 năm 2020～ Ngày 1 tháng 4 năm 2021	Trẻ 5 tuổi

2. Chứng nhận nhu cầu trông trẻ

Về các loại chứng nhận

Khi có nguyện vọng gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ, cần phải có chứng nhận trông trẻ (chứng nhận số 2 và số 3) (Sau đây gọi tắt là 「chứng nhận」) theo biểu mẫu quy định được cấp từ Thành Phố khi đáp ứng được lý do cần thiết của việc gửi trẻ (Sau đây gọi tắt là 「lý do chứng nhận」). Thủ tục đăng ký cấp 「Chứng nhận」 cần thiết phải làm đồng thời với thủ tục đăng ký gửi trẻ vào các cơ sở trông trẻ.

- Tùy thuộc vào lý do chứng nhận, thời gian trông trẻ sẽ tương ứng với “Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn” hoặc “Trông trẻ theo thời gian ngắn”, qua đó sẽ quyết định thời gian gửi trẻ cũng như phí trông trẻ (số tiền mà người giám hộ phải thanh toán)
- Kể cả khi được chứng nhận trông trẻ thì cũng có trường hợp không được gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ theo nguyện vọng dựa theo kết quả sắp xếp việc gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ.
- Trường hợp thời gian cần gửi trẻ của một trong những người giám hộ nếu tương ứng với mức “Trông trẻ theo thời gian ngắn” thì thời gian trông trẻ sẽ là “Trông trẻ theo thời gian ngắn”.

Phân loại chứng nhận	Chứng nhận số 2	Chứng nhận số 3	Chứng nhận số 1
Độ tuổi	Từ 3 tuổi	Dưới 3 tuổi	Từ 3 tuổi
Tính cần thiết của việc trông trẻ 《Biểu 2. Tương ứng với lý do chứng nhận 認定事由に該当》	Có	Có	Không
入所(利用)対象 Đối tượng	保育所 Nhà trẻ 認定こども園(保育所部分)	保育所 Nhà trẻ 認定こども園(保育所部分) 地域型保育事業(※2)	認定こども園(幼稚園部分) 幼稚園(新南産へ移行している施設のみ。豊明市にはありません。)
施設を利用できる時間(※1)	11時間(保育標準時間)または8時間(保育短時間)(※3)		4時間(教育標準時間)

(※1) 延長保育等を除きます。11時間、8時間をどの時間帯とするかは各保育所等により異なります。

(※2) 3歳に達した年度末までは利用可能です。

(※3) 保育必要量に応じて、保育所等の最大利用時間は異なりますが、保育標準時間、保育短時間どちらで認定を受けた場合であっても、保護者が実際に必要とする時間(就労時間等)での利用となります。

Về việc đăng ký cấp chứng nhận trông trẻ (đăng ký gửi trẻ)

- (1) Hồ sơ đăng ký
 - ① Đơn đăng ký cấp chứng nhận trông trẻ tại cơ sở trông trẻ.
 - ② Hồ sơ có thể xác nhận lý do chứng nhận trông trẻ
(Chỉ những trường hợp có nguyện vọng đăng ký Chứng nhận trông trẻ (số 2, số 3) tham khảo trang tiếp theo)
- (2) Nơi nộp hồ sơ
Phòng nhà trẻ - Trụ sở hành chính thành phố
(Trường hợp đăng ký đồng loạt hãy tham khảo trang 6)
- (3) Kỳ hạn nộp
Ngày 20 của tháng trước tháng có nguyện vọng gửi trẻ
(trường hợp ngày 20 là ngày nghỉ thì kỳ hạn sẽ đến ngày hôm trước)

Việc xét duyệt sẽ được tiến hành tại Văn phòng Hành chính Thành Phố, sẽ cấp thông báo với những nội dung cụ thể về chứng nhận trông trẻ Thành Phố sẽ tiến hành xét duyệt và điều chỉnh và cấp thông báo ghi rõ các nội dung liên quan đến chứng nhận trông trẻ. (Đối với những người mong muốn được cấp giấy chứng nhận hỗ trợ, sẽ được cấp giấy chứng nhận hỗ trợ.)

(※) Nếu đã nhận được chứng nhận hỗ trợ, hãy bảo quản cẩn thận vì trong trường hợp có sự thay đổi, phụ huynh sẽ cần phải trả lại.

Về thủ tục thay đổi chứng nhận

Trường hợp có thay đổi về nội dung chứng nhận trông trẻ do thay đổi lý do gửi trẻ, tình trạng hộ gia đình, v.v. cần phải thực hiện các thủ tục thay đổi, hãy liên hệ tới cơ sở trông trẻ hoặc Phòng nhà trẻ thuộc Trụ sở hành chính Thành Phố.

Về việc xác nhận tình trạng hiện tại (xác nhận nhu cầu trông trẻ)

Hàng năm (khi cần thiết ứng tình hình), người giám hộ cần nộp hồ sơ có xác nhận lý do gửi trẻ. Trường hợp không thể xác nhận được do không nộp hồ sơ hoặc trường hợp lý do gửi trẻ không còn phù hợp thì chứng nhận trông trẻ có thể sẽ bị hủy bỏ và trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ.

[Bảng 2. Lý do cần gửi trẻ (lý do chứng nhận trông trẻ)/hồ sơ có thể xác nhận lý do được chứng nhận]

Lý do gửi trẻ	Thời gian gửi trẻ	Điều kiện cụ thể, thời gian chứng nhận trông trẻ	Hồ sơ có thể xác nhận lý do gửi trẻ (Nộp hồ sơ sau khi chứng nhận trong vòng 3 tháng)
① Làm việc	Gửi trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Thời gian làm việc 1 tháng 120 tiếng trở lên) Hoặc Tổng trẻ theo thời gian ngắn (Thời gian làm việc 1 tháng 60-120 tiếng)※1	. Về cơ bản tất cả công việc đều được áp dụng ※3 . (Bao gồm toàn thời gian, bán thời gian, qua công ty phái cử, làm đêm, v.v., những công việc khác ngoài việc nhà mang tính chất thường xuyên) . Giờ làm việc ít nhất 60 giờ mỗi tháng . Trường hợp làm nông nghiệp (bao gồm kinh doanh nông nghiệp) có diện tích canh tác từ 0,3 hecta trở lên. 《Thời gian trông trẻ》 . Đến tuổi đi học . Trong trường hợp công việc có thời hạn, trông trẻ cho đến hết thời gian làm việc.	Giấy chứng nhận việc làm Chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể: Nộp các giấy tờ sau đây để xác nhận (Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc xét hồ sơ đăng ký) <u>Thông báo thành lập doanh nghiệp, bản sao giấy phép kinh doanh, bản sao khai thuế năm gần nhất, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> Người làm nông nghiệp: Được chứng nhận từ chủ kinh doanh nông nghiệp Trong trường hợp giấy chứng nhận cho chính chủ kinh doanh phải đính kèm bản sao sổ đăng ký hộ nông nghiệp. Nhân viên làm việc tại nhà: Được chứng nhận bởi người cung cấp hàng làm tại nhà, hoặc bản sao của hợp đồng v.v.
② Đi học	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Thời gian đi học 1 tháng 120 tiếng trở lên) Hoặc Tổng trẻ theo thời gian ngắn (Thời gian đi học 1 tháng 60-120 tiếng ※1	. Nếu đang theo học tại trường học, trường dạy nghề, hoặc cơ sở giáo dục khác được quy định trong Luật Giáo dục Trường học, v.v. . Giờ học phải ít nhất 60 giờ mỗi tháng. . 《Thời hạn trông trẻ》 Đến cuối tháng tốt nghiệp	Giấy chứng nhận đi học, chương trình giảng dạy, v.v. (Cần phải nộp một chương trình giảng dạy đã được xác nhận sau khi nhập học.)
③ Mang thai/sinh con	Tổng trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Tổng trẻ theo thời gian ngắn)※2	《Thời gian trông trẻ》 Từ ngày đầu tiên của tháng trước tháng dự sinh (*4) đến ngày cuối cùng của tháng sau ngày dự sinh	Bản sao Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé (Trang bìa và trang có ngày sinh dự kiến)
④ Người giám hộ bị bệnh tật hoặc khuyết tật	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Tổng trẻ theo thời gian ngắn)※2	. Khi người giám hộ cần trông trẻ do bệnh tật hoặc khuyết tật về tinh thần hay thể chất . 《Thời gian trông trẻ》 Đến tuổi đi học	Mẫu đơn yêu cầu (theo mẫu do thành phố quy định) và một trong các mẫu sau: ・Bệnh tật: Giấy chứng nhận của bác sĩ (※5) (Trên giấy xác nhận có ghi "Không thể trông trẻ.") ・Người khuyết tật: Bản sao giấy chứng nhận khuyết tật, v.v. (※6)
⑤ Chăm sóc điều dưỡng, chăm sóc y tế v.v... người thân (kể cả trong thời gian nằm viện)	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn Hoặc Tổng trẻ theo thời gian ngắn	. Khi người thân bị bệnh trong một thời gian dài, bị khuyết tật về tinh thần hoặc thể chất, hoặc đã nằm viện trong một thời gian dài và cần chăm sóc điều dưỡng liên tục. 《Thời gian trông trẻ》 Đến tuổi đi học	Mẫu đơn yêu cầu (theo mẫu do thành phố quy định) và một trong các mẫu sau: ・Chăm sóc điều dưỡng: "Bản sao thẻ bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng" (*6) hoặc "Giấy chứng nhận của bác sĩ" (*5) (Trên giấy xác nhận có ghi "Cần chăm sóc điều dưỡng lâu dài.") ・Chăm sóc y tế: Giấy chứng nhận bác sĩ (*5) (Trên giấy xác nhận có ghi "Cần thiết chăm sóc y tế")
⑥ Phục hồi sau thảm họa	Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn (Tổng trẻ theo thời gian ngắn)※2	. Khi bị ảnh hưởng bởi thảm họa như động đất, bão hoặc thiệt hại do lũ lụt, hỏa hoạn, v.v. và cần gửi trẻ để khắc phục thảm họa. . 《Thời hạn trông trẻ》 Cho đến khi kết thúc khắc phục thảm họa	Giấy chứng nhận thảm họa (do Phòng hành chính TP, sở cứu hỏa cấp, v.v.)
⑦ Tìm kiếm việc làm (Bao gồm việc chuẩn bị để bắt đầu kinh doanh)	Tổng trẻ theo thời gian ngắn	60 giờ mỗi tháng có hoạt động tìm kiếm việc làm (yêu cầu báo cáo hoạt động hàng tháng)) Theo nguyên tắc chung, không thể gửi trẻ trong hơn 3 tháng với lý do đang có hoạt động tìm kiếm việc làm trong cùng một năm tài chính. 《Thời hạn chứng nhận》 Khoảng 3 tháng kể từ ngày bắt đầu gửi trẻ	Giấy báo cáo hoạt động tìm kiếm việc làm (mẫu do thành phố chỉ định)
⑧ Xin nghỉ làm chăm sóc trẻ	Tổng trẻ theo thời gian ngắn	. Trong trường hợp nghỉ việc để chăm sóc một trẻ khác, có thể gửi trẻ lớp 3-5 tuổi (※7) Có thể gửi tiếp tại các lớp cho trẻ từ 2-5 tuổi. . 《Thời gian trông trẻ》. Đến cuối tháng của ngày hết hạn của thời gian nghỉ việc với lý do chăm sóc trẻ.	Giấy chứng nhận nghỉ chăm sóc trẻ (mẫu do thành phố quy định) hoặc Giấy chứng nhận công việc (theo mẫu do Thành phố quy định)
⑨ Khác	Tùy theo tình hình	Những trường hợp khác được chấp nhận theo tiêu chuẩn. 《Thời gian trông trẻ》 Tùy theo tình hình	Tùy theo tình hình sẽ yêu cầu những hồ sơ cần thiết.

(※1) Tùy thuộc vào tình hình làm việc học tập và nguyện vọng của người giám hộ có thể chứng nhận thời gian trông trẻ khác nhau. Nếu đáp ứng được chứng nhận trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn có thể chọn chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn.

(※2) Về nguyên tắc, được chứng nhận trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn, nhưng có thể thay đổi chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn theo nguyện vọng.

(* 3) Trường hợp nộp đơn khi có dự định làm việc nhưng có thể được yêu cầu nộp giấy chứng nhận làm việc sau khi bắt đầu làm việc.

(*4) Nếu ngày nộp đơn muộn hơn ngày này, ngày bắt đầu chứng nhận sẽ thay đổi.

(*5) Giấy chứng nhận của bác sỹ có giá trị đến hết ngày đến hạn ghi trên giấy chứng nhận hoặc trong 3 tháng kể từ ngày cấp, người giám hộ muốn tiếp tục đăng ký cần phải nộp lại để xác nhận tình trạng hiện tại.

(*6) Để xác nhận nhu cầu gửi trẻ, có thể yêu cầu người giám hộ nộp giấy chứng nhận của bác sỹ.

(*7) Từ tháng 4 năm Reiwa 6, có thể tiếp tục gửi trẻ lớp 2 tuổi.

3. Tiêu chuẩn về việc gửi trẻ và khi trẻ rời khỏi cơ sở trông trẻ...

Về việc gửi trẻ

Về nguyên tắc ngày bắt đầu gửi trẻ phải là ngày 1

Cần phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây tại thời điểm bắt đầu gửi trẻ

① Trẻ và người giám hộ phải là cư dân thành phố Toyoake.

《Trường hợp dự định chuyển địa chỉ đến Thành Phố Toyoake》

Chỉ có thể đăng ký trong trường hợp trẻ và người giám hộ có dự định chuyển chỗ ở đến thành phố Toyoake trước ngày bắt đầu sử dụng và có thể ghi chính xác địa chỉ dự định sinh sống tại thời điểm đăng ký.

② Phải có chứng nhận trông trẻ (Chứng nhận số 2, Chứng nhận số 3) từ Thành phố. (Nếu đang có dự định chuyển chỗ ở đến thì phải đáp ứng lý do chứng nhận như giấy xác nhận công việc)

③ Trẻ có thể sinh hoạt theo tập thể tại cơ sở trông trẻ.

*** Về thời gian gửi trẻ ***

Thời gian có thể gửi trẻ là đến lớp 2 tuổi hoặc cho đến hết tuổi đi nhà trẻ. Tuy nhiên, trường hợp không có nhu cầu gửi trẻ nữa thì chứng nhận trông trẻ sẽ bị hủy bỏ và trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ.

Ngoài ra, việc gửi trẻ do "mang thai và sinh nở" có giới hạn về thời gian với khoảng thời gian được xác định trước. Để tiếp tục gửi trẻ sau thời gian xác định này, cần phải nộp đơn trước để có chứng nhận trông trẻ. Nếu muốn tiếp tục gửi trẻ, vui lòng liên hệ trước tới Phòng nhà trẻ Thành phố.

Điều chỉnh xét duyệt đối với đăng ký gửi trẻ

Nếu lượng đơn đăng ký vượt quá số lượng quy định sẽ được lập chỉ số xét duyệt theo tiêu chuẩn của Thành phố tùy thuộc vào lý do gửi trẻ, tình trạng hộ gia đình. Chúng tôi sẽ quyết định người có chỉ số cao, thứ tự ưu tiên cao.

(Tham khảo trang 10 (Bảng chỉ số xét duyệt hồ sơ))

***Trường hợp chỉ số bằng nhau.**

Đối với hồ sơ đăng ký đồng loạt và hồ sơ đăng ký gửi trẻ vào ngày 1/4 năm Reiwa 8 sẽ được quyết định theo thứ tự rút thăm vào thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Hồ sơ đăng ký gửi trẻ từ ngày 1 tháng 5 Reiwa 8 trở đi sẽ quyết định cho người nộp đơn sớm hơn

• Phòng nhà trẻ sẽ không thực hiện xét duyệt điều chỉnh vào những cơ sở trông trẻ không thuộc nguyện vọng ghi trong hồ sơ đăng ký.

Về việc trẻ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ

Ngày rời khỏi cơ sở trông trẻ về cơ bản là vào cuối mỗi tháng. Trong trường hợp chuyển nhà ra khỏi Thành phố hoặc không còn thuộc các lý do được chứng nhận, việc trẻ rời khỏi cơ sở trông trẻ sẽ được tính vào ngày cuối cùng của tháng đó. Khi đã xác nhận việc trẻ rời khỏi cơ sở trông trẻ, người giám hộ hãy nhanh chóng nộp đơn tại cơ sở trông trẻ. (Muộn nhất là trước ngày rời khỏi cơ sở trông trẻ 2 tuần).

*** Trường hợp trẻ nghỉ không tới nhà trẻ trong thời gian dài ***

Trong trường hợp quá một tháng trẻ không đến nhà trẻ, trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ. Tuy nhiên, không áp dụng trong khoảng thời gian người giám hộ về quê sinh con từ ngày đầu tiên của tháng trước tháng dự sinh đến ngày cuối cùng của tháng thứ hai sau sinh. Trong trường hợp đó, người giám hộ vẫn có nghĩa vụ thanh toán phí trông trẻ, phí ăn trưa, v.v.

4. Quy trình đăng ký gửi trẻ và hồ sơ cần thiết

Xin lưu ý rằng Phòng nhà trẻ Thành Phố sẽ không thể tiếp nhận nguyện vọng của người giám hộ khi cơ sở trông trẻ không còn chỗ trống. Phòng nhà trẻ Thành phố sẽ tiến hành xét duyệt việc gửi trẻ tại 20 nhà trẻ của Thành Phố (tham khảo trang 1). Hãy viết tên các nhà trẻ có nguyện vọng gửi trẻ vào mẫu 「利用希望保育所等」 trong bản đăng ký, có thể viết các nguyện vọng vào tất cả những ô trống.

Lịch trình và quy trình đăng ký gửi trẻ

- ① Đăng ký đồng loạt・・・【Gửi trẻ từ ngày 1 tháng 4 năm Reiwa8】
- ② Đăng ký thường xuyên・・・【Gửi trẻ từ ngày 1 tháng 4 năm Reiwa8】
- ③ Đăng ký thường xuyên・・・【Gửi trẻ từ ngày 1 tháng 5 năm Reiwa8】

	① Đăng ký đồng loạt	② Đăng ký thường xuyên 【Gửi trẻ từ ngày 1/4 năm Reiwa 8】	③ Đăng ký thường xuyên 【Gửi trẻ từ ngày 1/5 năm Reiwa 8】
1. Phát hồ sơ đăng ký	Từ ngày 01/ 10 năm Reiwa 7	Từ ngày 1 tháng 12 năm Reiwa 7	
2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký	Từ ngày 20/10 năm Reiwa 7 Được ghi trong hồ sơ phát cho đăng ký đồng loạt	Từ ngày 15 tháng 1 năm Reiwa 8	
3. Kỳ hạn nộp hồ sơ	Đến 5 giờ chiều 20 tháng 11, Reiwa 7. Nếu có phỏng vấn, phỏng vấn tại cơ sở trông trẻ có nguyện vọng 1 trước ngày 26/11	Ngày 30 tháng 1 Năm Reiwa 8	Cuối tháng trước tháng muốn gửi trẻ
4. Kết quả xét duyệt Thông báo kết quả được gửi trẻ(* 1)	【Lần 1】 Khoảng tháng 1 năm Reiwa 8 【Lần 2】 Khoảng tháng 2 năm Reiwa 8	【Lần 1】 Khoảng tháng 2 năm Reiwa 8	Khoảng cuối tháng trước tháng muốn gửi trẻ
5. Buổi giải thích trước khi bắt đầu gửi trẻ.	Khoảng từ đầu ~ giữa tháng 3 năm Reiwa 8	Đầu ~ giữa tháng 3 năm Reiwa 8	—
6. Thông báo phí trông trẻ, v.v.	Khoảng cuối tháng 3 năm Reiwa 8	Khoảng cuối tháng 3 năm Reiwa 8	Khoảng cuối tháng trước tháng muốn gửi trẻ

(*1) Đây là thông báo việc có thể gửi trẻ theo hồ sơ đã đăng ký hoặc bảo lưu hồ sơ đã đăng ký. Nếu hồ sơ không được xét duyệt sắp xếp vào đợt đăng ký đồng loạt, chúng tôi sẽ gửi thông báo bảo lưu hồ sơ đăng ký (thông báo chỉ gửi một lần), hàng tháng sẽ tiến hành điều chỉnh xét duyệt lại hồ sơ và liên lạc chỉ trong trường hợp hồ sơ được xét duyệt.

(*2) Trường Mẫu giáo Akatsuki (tên dự kiến), các lớp dành cho trẻ 4 tuổi và 5 tuổi sẽ không được sắp xếp điều chỉnh cho việc gửi trẻ tại thời điểm nộp đơn đăng ký đồng loạt và nộp đơn đăng ký thường xuyên vào ngày 1 tháng 4 năm Reiwa 8.

Chúng tôi sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết chỉ khi có chỗ trống.

Về việc đăng ký

- Cha hoặc mẹ của trẻ tiến hành thủ tục đăng ký.
- (* Nếu cha mẹ không thể tiến hành thủ tục đăng ký do hoàn cảnh, hãy tham khảo ý kiến trước tại Phòng nhà trẻ Trụ sở hành chính Thành phố)
- Đơn đăng ký có thể được gửi qua bưu điện, bất kể người giám hộ sống trong hay ngoài thành phố.
- Yêu cầu 1 bộ hồ sơ đăng ký cho mỗi trẻ.
- Nếu hồ sơ đăng ký có thiếu sót, việc đăng ký sẽ không được hoàn thành. Hãy hoàn thành hồ sơ và nộp trong thời hạn.
- (* Hồ sơ nộp qua đường bưu điện sẽ không được chấp nhận nếu có bất kỳ thiếu sót nào.) Trong trường hợp này, cần gửi lại hồ sơ đăng ký hoặc trực tiếp nộp tại Phòng nhà trẻ thuộc Trụ sở hành chính Thành Phố.
- Hồ sơ đã được tiếp nhận không thể được trả lại. Nếu cần vui lòng giữ lại bản sao.
- Nếu có sự thay đổi trong hồ sơ đăng ký (lý do trông trẻ hoặc tình trạng gia đình), vui lòng thông báo cho Phòng nhà trẻ Văn phòng hành chính TP. Tùy thuộc vào nội dung thay đổi, người giám hộ có thể được yêu cầu bổ sung hồ sơ.
- Nếu có sự giả dối nào trong hồ sơ đã nộp, sẽ không được chứng nhận trông trẻ hoặc trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ ngay cả khi đã có quyết định việc trẻ được gửi tại cơ sở trông trẻ.

Về việc tiếp nhận đăng ký đồng loạt

Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo tài liệu "Những chú ý về việc đăng ký gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ năm Reiwa 8"

Về ngày bắt đầu làm việc của người giám hộ

Nếu lý do gửi trẻ là "làm việc", ngày bắt đầu làm việc (trở lại làm việc) chậm nhất là ngày 30 tháng 4 thì có thể nộp đơn đăng ký đồng loạt (phí trông trẻ tính theo tháng). Ngoài ra, khi bắt đầu gửi trẻ, thời gian trông trẻ chỉ vào buổi sáng (*) để trẻ làm quen với cơ sở trông trẻ.

***Về thời gian làm quen với cơ sở trông trẻ**

Tại thành phố Toyoake, đối với những trẻ mới được gửi tại cơ sở trông trẻ, trong khoảng thời gian đầu trẻ sẽ được người giám hộ đón về sau bữa trưa. Việc này sẽ giúp trẻ làm quen dần với cuộc sống nhóm mà không gặp khó khăn. Để biết chi tiết, vui lòng liên hệ đến cơ sở trông trẻ.

Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường xuyên

- Hãy nộp hồ sơ đăng ký tại Phòng nhà trẻ thuộc Văn phòng hành chính Thành Phố.
- Do điều chỉnh sắp xếp, Phòng nhà trẻ sẽ liên hệ khi có chỗ trống.

Ngoài ra, trong cùng một năm tài chính, việc điều chỉnh và sắp xếp sẽ diễn ra hàng tháng nên không cần phải nộp đơn đăng ký lại, trừ khi người giám hộ muốn rút đơn đăng ký. Nếu muốn thay đổi cơ sở trông trẻ mong muốn, hãy liên hệ tới Phòng nhà trẻ trước thời hạn nộp đơn hàng tháng.

- Để biết chi tiết, vui lòng đọc tài liệu đính kèm "Những chú ý về việc đăng ký gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ năm Reiwa 8".

Về hồ sơ cần thiết cho việc đăng ký đồng loạt

1. Đơn đăng ký gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ.
2. Đơn đăng ký cấp chứng nhận trông trẻ tại cơ sở trông trẻ.
3. Giấy chứng nhận làm việc của người giám hộ (cha/mẹ).
4. Giấy xác nhận liên quan đến việc đăng ký gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ.
5. Giấy tờ có thể xác nhận mã số cá nhân (Bắt buộc đối với người giám hộ đến quầy dịch vụ đăng ký)

	Giấy tờ có thể xác nhận được mã số cá nhân	Giấy tờ có thể xác nhận danh tính
①	Thẻ mã số cá nhân	
②	Thẻ thông báo Hoặc Bản sao phiếu cư dân có ghi mã số cá nhân	Giấy phép lái xe, hộ chiếu, thẻ cư trú (Trường hợp không thể chuẩn bị được những giấy tờ này thì vui lòng cung cấp 2 trong số những giấy tờ: thẻ bảo hiểm, sổ hưu trí, giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em)

- ① Chỉ bằng thẻ mã số cá nhân có thể xác nhận được cả mã số và danh tính.
- ② Mang theo giấy tờ có thể xác nhận mã số cá nhân và danh tính.

※Đã có nhiều hồ sơ cần chỉnh sửa sau khi nộp, vì vậy hãy xác nhận kỹ trước khi nộp theo những chú ý sau:

- ① Hồ sơ nộp không ghi bằng bút bi có thể xóa được hoặc bút chì.
- ② Đã ký vào cột “Bản cam kết liên quan đến phí trông trẻ và phí bữa ăn” ở mặt sau của đơn đăng ký.
- ③ Ở những chỗ cần chỉnh sửa phải gạch 2 gạch ngang, không sử dụng bút xóa hay băng xóa.

Khi gửi trẻ với lý do người giám hộ đang có hoạt động tìm kiếm việc làm

Để được cấp chứng nhận trông trẻ người giám hộ phải có hoạt động tìm kiếm việc làm ít nhất 60 giờ mỗi tháng và nộp báo cáo về hoạt động đó tại Phòng nhà trẻ thuộc Văn phòng hành chính Thành Phố muộn nhất đến ngày 15 hàng tháng. Trong trường hợp là ngày nghỉ thì nộp vào ngày làm việc trước đó.

Nếu trong thời gian chứng nhận trông trẻ, người giám hộ không thể nộp giấy chứng nhận làm việc, trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ khi kết thúc thời gian chứng nhận. Ngoài ra, nếu không nộp báo cáo đúng thời hạn, giấy chứng nhận gửi trẻ sẽ bị hủy và trẻ cũng sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ ngay cả khi vẫn còn trong thời hạn chứng nhận.

Khi gửi trẻ với lý do mang thai, sinh con

Thời gian gửi trẻ được giới hạn trong khoảng thời gian từ ngày bắt đầu có chứng nhận đến ngày cuối cùng của tháng sau tháng sinh. Nếu muốn tiếp tục xin chứng nhận trông trẻ và gửi trẻ người giám hộ cần thiết phải liên hệ trước.

*** Trường hợp có thay đổi về nội dung chứng nhận trông trẻ, tình trạng hộ gia đình v.v. sau khi đăng ký gửi trẻ***

Hãy thông báo cho Phòng nhà trẻ tại trụ sở hành chính Thành Phố. Tùy thuộc vào tình trạng hồ sơ, chúng tôi có thể yêu cầu nộp hồ sơ bổ sung.

5. Bảng chỉ số điều chỉnh gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ Thành Phố(Năm Reiwa 8)

父(基準指数)	+	父(調整指数①)	+	母(基準指数)	+	母(調整指数①)	+	調整指数②	合計

指数表は毎年度見直すことがあるため、次年度は変更となる場合があります。

基準指数	区分・形態		指数
	1 就 労		
	(1) 会社員・経営者(自営業・農業)		
	1	就 労 時 間	175H/月以上 20
	2	〃	160H/月以上 19
	3	〃	140H/月以上 18
	4	〃	120H/月以上 17
	5	〃	100H/月以上 16
	6	〃	80H/月以上 15
	7	〃	60H/月以上 14
	(2) 内 職		12
	2 就 学		
	1	就 学 時 間	175H/月以上 17
	2	〃	160H/月以上 16
	3	〃	140H/月以上 15
	4	〃	120H/月以上 14
	5	〃	100H/月以上 13
	6	〃	80H/月以上 12
	7	〃	60H/月以上 11
	3 出 産		18
	4 育児休業(3歳児～5歳児のみ)		14
	5 疾 病、障がい等		
	(1) 疾 病		
	1	入 院	18
	2	通 院 (16日/月以上の治療が必要な場合)	13
	3	自宅療養(医師が保育に支障があると認めた場合)	11
	(2) 障害者手帳・療育手帳		
	1	1・2級又はA	18
	2	3・4級又はB・C	10
	3	上記以外	9
	6 親族の介護・看護		
	1	介護・看護時間	120H/月以上 12
	2	〃	60H/月以上 10
	7 災 害 復 旧		18
	8 求職活動・起業準備		3
	9 通園施設付添		14

調整指数	調整指数①	
	【就労 調整指数】	
	1	経営者(自営業)で公的書類無の場合 △2
	2	保育士・看護師※1 +3
	【就学 調整指数】	
	1	受験者 △2
	調整指数②	
	【世帯状況 調整指数】	
	1	父親または母親が不在の場合 +25
	【その他】	
	1	利用第1希望保育所等が兄弟で同じ場合、または利用第1希望保育所等に兄弟が在園している場合(1号認定利用者は除く) +5
	2	育休取得による退所後に再度利用を申込み場合※2 +3
	3	転園児※3 +3
	4	市内認可外保育施設利用者(要認定)※4 +3
	5	同一施設希望の1号認定利用者(年少から年長) +5
	6	里親制度を利用している児童※5 +5
	7	保育料・給食費滞納者(市との面談に応じない場合) △5
	8	多胎児が利用申込みする場合 +1
	9	虐待やDVのおそれがある場合 ※6

※1 市内の保育所・地域型保育事業・認定こども園において、保育士・看護師として継続的に就労する(予定者を含む。)場合に限りします。

※2 3～5歳児クラスの育休事由での利用申込みに限りします。

※3 市内の保育所・地域型保育事業・認定こども園(保育所部分)から転園を希望される場合に限りします。

※4 保育所等利用保留中に、保育認定を受けた状態でベビーハグス保育園を利用している場合加点されます。

※5 措置決定通知書の確認が必要になります。

※6 児童福祉法の観点から特殊事情で市長が必要と認める場合適宜判断します。

*マミーナ・メモリーツリー三崎・前後・なかよし・かなで保育園に在籍している場合、3歳児(年少)クラスへの進級の際は、申請により希望する保育所等へ優先的に転園のご案内をします。

6. Về phí trông trẻ, phí trông ngoài giờ và phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ

Phí trông trẻ

Phí trông trẻ, v.v. được quyết định theo bảng sau đây dựa trên số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế của bố mẹ hoặc người có nghĩa vụ nuôi dưỡng khác có cùng sinh kế với trẻ đang gửi tại cơ sở trông trẻ. (chỉ trong trường hợp những người này là trụ cột về kinh tế gia đình). Ngoài ra các chi phí khác như hội phí phụ huynh và phí ăn của trẻ tại cơ sở trông trẻ.v.v. sẽ được yêu cầu riêng (sẽ được thông báo từ từng cơ sở trông trẻ. Phí trông trẻ 3-5 tuổi là miễn phí)

【Số tiền thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên số tiền trước khi khấu trừ thuế như khấu trừ cổ tức, khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay mua nhà, v.v..., khấu trừ đặc biệt cho việc trùng tu chống động đất, v.v...】

《Bảng phí trông trẻ tiêu chuẩn thành phố Toyoake》

(Đơn vị: Yên)

Bậc	Tổng số tiền thuế cư dân tính theo thu nhập chịu thuế (※1)		0 tuổi		1・2 tuổi	
			Thời gian tiêu chuẩn	Thời gian ngắn	Thời gian tiêu chuẩn	Thời gian ngắn
A	Người được bảo hộ, v.v... (※2) Cha mẹ nuôi (※3)		0	0	0	0
B	Hộ gia đình được miễn thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã		0	0	0	0
C	Dưới 48,600 yên	※4	3,400	2,100	3,400	2,100
		Khác	7,800	5,200	7,800	5,200
D1	48,600 yên～	Hộ gia đình cha mẹ đơn thân ※4	5,500	4,200	5,500	4,200
		Khác	11,100	8,400	11,100	8,400
D2-1	59,600 yên～	Hộ gia đình cha mẹ đơn thân ※4	9,000	7,600	9,000	7,600
		Khác	19,100	16,300	19,100	16,300
D2-2	77,101 yên ～		19,100	16,300	19,100	16,300
D3	79,600 yên ～		27,400	24,400	27,400	24,400
D4	97,000 yên ～		33,900	30,800	33,900	30,800
D5	116,000 yên ～		40,500	37,300	40,500	37,300
D6	134,000 yên ～		42,700	39,500	42,200	39,000
D7	152,000 円 ～		44,500	42,000	43,900	40,700
D8	169,000 円 ～		53,600	50,200	49,600	46,300
D9	301,000 円 ～		55,600	52,200	50,600	47,300

(※1) 政令指定都市で課税されている場合、税率は税源移譲前の税率を基準に算定します。

(※2) 被保護者等とは次の者のことです。

- ・生活保護法第6条第1項に規定する被保護者及び支援給付を受けている者

(※3) 里親とは次の者のことです。

- ・児童福祉法第6条の4に規定する里親

(※4) ひとり親家庭等の世帯とは次のいずれかに該当する世帯のことです。

- ・配偶者のいない女子又は男子で現に児童を扶養している世帯(母子及び父子並びに寡婦福祉法の定めによる。)
- 及びこれに準ずる家庭の世帯
- ・在宅障害者(児)のいる世帯。障害者(児)とは、身体障害者手帳、療育手帳又は精神障害者保健福祉手帳の交付を受けている人、特別児童扶養手当の支給対象児、国民年金の障害基礎年金等の受給者です。

- 生活困窮者等特に市長が認めた世帯

Phí trông trẻ, v.v... có thể thay đổi do thay đổi tình trạng hộ gia đình, điều chỉnh thuế hoặc thay đổi các nội dung chứng nhận (thay đổi về thời gian cần gửi trẻ, v.v...). Về nguyên tắc sẽ phản ánh vào phí trông trẻ từ tháng tiếp theo của tháng có thay đổi (trường hợp có thay đổi vào ngày đầu tiên của tháng thì từ tháng có thay đổi trở đi). (Tham khảo trang 3 về cách đăng ký thay đổi chứng nhận.)

Về việc giảm phí trông trẻ và chế độ miễn giảm

- ✧ Các mức giảm và miễn trừ sau đây sẽ không được áp dụng trùng lặp.
- ✧ Nếu mức giảm chỉ bằng một nửa, làm tròn xuống theo đơn vị 100 yên

Giảm phí trông trẻ khi gửi trẻ đồng thời

Ngoài các cơ sở trông trẻ là các trường mẫu giáo, trường mẫu giáo có bộ phận trông trẻ, tổ chức hỗ trợ phát triển trẻ em, cơ sở chăm sóc trẻ do doanh nghiệp quản lý, lớp học hỗ trợ đặc biệt (trong nhà trẻ Aoitōri). Vui lòng liên hệ để biết chi tiết. *Các cơ sở trông trẻ không có giấy phép sẽ không đủ điều kiện áp dụng.

- (1) Gửi trẻ thứ 2 ... Giảm nửa số tiền phí trông trẻ.
- (2) Gửi trẻ thứ 3 ... Miễn phí.

Giảm phí trông trẻ cho hộ gia đình đơn thân nuôi con thuộc bậc C~C2-1

Từ trẻ thứ 2 ... Miễn phí.

Giảm phí trông trẻ cho các hộ gia đình có mức đóng thuế cư dân dưới 57.700 yên

Hộ gia đình có 2 con trở lên, sẽ được giảm một nửa phí khi gửi trẻ thứ 2, miễn phí khi gửi từ trẻ thứ 3.

* Có thể có ngoại lệ, vì vậy vui lòng liên hệ để biết chi tiết.

Giảm phí trông trẻ thứ 2

Hộ gia đình có từ 2 con trở lên dưới 18 tuổi (trẻ đầu học tiểu học~), phí trông trẻ thứ 2 trở lên khi gửi lớp từ 2 tuổi trở xuống xuống như sau:

- * Bậc C ~ D3 miễn phí
- * Đối với bậc D4 ~ D9, trẻ thứ 2 giảm một nửa phí (trẻ thứ ba trở đi được giảm chi trường hợp (1) ở trên)

- Ngoài ra, đối với người giám hộ có hoàn cảnh đặc biệt như thiệt hại do thiên tai, bệnh tật, có hệ thống giảm miễn phí trông trẻ nhằm giảm bớt gánh nặng (Vui lòng liên hệ với Phòng nhà trẻ để biết thêm thông tin về cách đăng ký).
- 所得減**
C~D2-2階層の人で、当該年中における所得が、前年に比べ2分の1以下に減少すると認められる場合、申請した月から当該事由が消滅した月まではC階層の人は全額、D1~D2-2階層の人は半額の減免となります。
- 長期療養**
C~D2-2階層の人で、生計中心者が長期療養者(現に継続して6か月以上療養の人又は継続して6か月以上療養を要すると思われる人)の場合、申請した月から当該事由が消滅した月までに係る保育料等額のうち、C階層の人は全額、D1~D2-2階層の人は半額の減免となります。申請の際は診断書を提出してください。
- り災**
自己の所有に係る住宅又は家財について生じた損害金額(保険金及び補償金により補てんされるべき金額を除く。)が、その住宅又は家財の価額の5割以上の場合、申請した月から1年間に係る保育料等額のうち、C階層の人は全額、D1階層以上の人は半額の減免となります。申請の際は、り災証明を提出してください。
- 失業保険受給**
C~D2-2階層の人で、雇用保険法に定める失業保険の受給資格を有する生計中心者の場合、申請した月から当該事由が消滅した月までに係る保育料等額のうち、C階層の人は全額、D1~D2-2階層の人は半額の減免です。申請の際は、失業保険受給者証を提示してください。
- ひとり親家庭等の世帯のうち D2-2 の人は 1,000 円の減免**

(1) Về quyết định phí trông trẻ và thông báo quyết định

- ◆ Phí trông trẻ, v.v... sẽ được tính dựa trên tuổi của trẻ tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2026. Kể cả trường hợp ngày sinh đã trôi qua trong năm tài chính và số tuổi đã tăng lên thì phí trông trẻ cũng sẽ không thay đổi. Phí trông trẻ có thể thay đổi do thay đổi về số tiền thuế của người giám hộ.
- ◆ Trường hợp cha mẹ không có đủ thu nhập để duy trì kinh tế gia đình (dưới 1,8 triệu yên, chỉ có cha hoặc mẹ thì dưới 1,3 triệu yên), trong gia đình có người có nghĩa vụ nuôi dưỡng như ông bà (chỉ trong trường hợp người này là người trụ cột về kinh tế gia đình) có số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế cao hơn tổng số tiền của cha mẹ thì phí trông trẻ sẽ được tính dựa trên số tiền thuế cư trú của người đó.
- ◆ Phí trông trẻ từ tháng 4 đến tháng 8 năm sẽ được xác định dựa trên số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế trong năm tài chính trước (năm tài chính Reiwa 7). Phí trông trẻ từ tháng 9 đến tháng 3 năm tiếp theo sẽ được xác định dựa trên số tiền thuế cư trú theo thu nhập chịu thuế của năm tài chính đó (năm tài chính Reiwa 8).
- ◆ Phí trông trẻ sẽ được thông báo bằng "Thông báo quyết định phí trông trẻ (số tiền người giám hộ phải thanh toán)"
- ◆ Nếu trẻ gửi vào ngày đầu tiên của tháng, trong tháng dù trẻ nghỉ hay vắng mặt vẫn phải đóng đủ phí trông trẻ cả tháng.



Về việc nộp phí trông trẻ

Cơ sở trông trẻ	Nơi nộp	Kỳ hạn nộp	Phương pháp nộp
Các cơ sở trông trẻ	VP Hành chính Thành phố	Nộp phí của tháng tương ứng trước ngày 25 hàng tháng (Kỳ hạn nộp phí tháng 4 là ngày 25 tháng 5, sẽ gộp 2 tháng lại để nộp.) ※Trường hợp ngày 25 là thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngày lễ thì sẽ là ngày làm việc tiếp theo	Chuyển khoản ngân hàng Thư thông báo nộp
Trường mẫu giáo có bộ phận trông trẻ, tổ chức trông trẻ theo hình thức địa phương	Các cơ sở trông trẻ	Khác nhau tùy theo từng cơ sở	

Vui lòng đảm bảo nộp phí trông trẻ đúng hạn vì đây là nguồn tài chính quý giá cho việc quản lý điều hành cơ sở trông trẻ. Nếu chậm nộp phí trông trẻ, v.v... trong một thời gian dài thì có thể sẽ bị khấu trừ từ trợ cấp trẻ em và truy thu đặc biệt.

Về phí trông trẻ ngoài giờ

Chỉ trông trẻ ngoài giờ như bảng bên dưới. Trong trường hợp cần phải gửi trẻ vào sáng sớm, chiều muộn hoặc vào thứ bảy với lý do như người giám hộ làm việc, v.v. cần phải đăng ký trước tại các cơ sở trông trẻ. Về nguyên tắc, thời gian gửi trẻ vào sáng sớm, chiều muộn hoặc vào thứ Bảy là “Thời gian làm việc + Thời gian đi lại”. Phí trông trẻ ngoài giờ theo như dưới đây, người giám hộ hãy nộp tại cơ sở trông trẻ.

Cơ sở trông trẻ	Khung giờ
Futamuradai・Yakata・Mutsumi・Mamina・Shirahotobu・ Kutsukekeyaki・Aiguran・Memoritri-Zengo・Toyoake Nakayoshi	【Sáng sớm】7:30 ~ Đến thời gian trông trẻ thông thường (ShirahoTobu・Kutsukekeyaki・Aiguran 7:00 ~ Đến thời gian trông trẻ thông thường) 【Chiều muộn】(Ngày thường)Sau thời gian trông trẻ thông thường ~ 19:00(Thứ Bảy)Sau thời gian trông trẻ thông thường ~ 18:30 (Aiguran・Zengo Đến19:00)
Tất cả ngoại trừ các cơ sở trông trẻ ở trên	【Sáng sớm】7:30 ~ Đến thời gian trông trẻ thông thường 【Chiều muộn】Sau thời gian trông trẻ thông thường ~ 18:30

Về ngày trông trẻ trong tuần

むつみ							
豊明幼稚園(仮称)	7:30	8:00	16:00	17:30	18:30	19:00	
暁幼稚園(仮称)							
しらほ東部							
沓掛けやき	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
アイグラン							
上記以外	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00	
Trông trẻ theo thời gian ngắn	100 yên (7:30 ~, ngoại trừ Shiraho East, Kuzukakeyaki và Aiguran Yang)		Trông trẻ theo thời gian thông thường	100yên(※)	100 yên(※)	100 yên (*)	
Trông trẻ theo thời gian thông thường	100 yên (Shiraho tobu, Kusakakeyaki, Aiguran)		Không tính thêm phí trông ngoài giờ. (Cần phải đăng ký trước)			(Giờ mở cửa được giới hạn đến 7 giờ tối))	

(※)Trong trường hợp có chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn tại Toyoake Nakayoshi, nếu gửi thêm trong khoảng thời gian 16:15 ~ 18:15 cứ 30 phút phí 100 yên, khoảng thời gian 18:15 ~ 19:00 tổng phí là 100 yên.

Trông trẻ vào Thứ Bảy

Mutsumi (むつみ) Trường mẫu giáo Toyoake (豊明幼稚園(仮称)) 暁幼稚園(仮称)	7:30	8:00	16:00	17:30	18:30	
Shiraho (しらほ東部) Kutsukakeyaki (沓掛けやき)	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30

Aiguran (アイグラン)	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
メモリーツリー前後		7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
上記以外		7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	
Trông trẻ theo thời gian ngắn	100 円 (7:30~, ngoại trừ Shirahotobu, Kuzukakekeyaki và Aiguran)	Trông trẻ theo thời gian thông thường		100 円(※)	100 円(※)	100 yên (*) (Chỉ những cơ sở có thời gian mở cửa đến 19giờ)	
Trông trẻ theo thời gian tiêu chuẩn	100 円 (Shirahotobu・Kutsukakekeyeshi・Aiguran)	Không tính thêm phí trông ngoài giờ. (Cần phải đăng ký trước)					

(※)Trong trường hợp có chứng nhận trông trẻ theo thời gian ngắn tại Toyoake Nakayoshi, nếu trẻ được gửi trong khoảng thời gian 16:15 ~ 17:45 sẽ áp dụng phí 100 yên mỗi 30 phút, khoảng thời gian 17:45 ~ 18:30 sẽ áp dụng phí 100 yên.

Về phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ

※Khi gửi trẻ tại những trường mẫu giáo có bộ phận trông trẻ "Trường mẫu giáo Rejoyce" hoặc "Trường mẫu giáo Akatsuki (tên tạm thời)", sẽ phải trả một khoản phí ban đầu. Vui lòng liên hệ trực tiếp với từng cơ sở để biết thêm chi tiết.

Phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ (phí bữa ăn chính/phí bữa ăn phụ) sẽ khác nhau tùy theo cơ sở trông trẻ. Phương pháp nộp như dưới đây.

	Chứng nhận số 2 và Chứng nhận số 3		Lớp trẻ 1 tuổi
	Lớp trẻ 3~5 tuổi	Lớp trẻ 0~2 tuổi	
Phí ăn	Thu phí thực tế (đối tượng như dưới đây※)	Được bao gồm trong phí trông trẻ, v.v...	Thu theo phí thực tế (Đối tượng như※)
Phương pháp nộp	Công tập: Chuyển từ tài khoản chuyển khoản phí trông trẻ Tự lập: Nộp trực tiếp tại cơ sở trông trẻ	—	Nộp trực tiếp tại cơ sở trông trẻ

※Trẻ em trong các hộ gia đình có tổng số tiền thuế cư trú tính theo thu nhập chịu thuế (cùng tiêu chuẩn với phí trông trẻ) từ 77.101 yên trở lên, ngoại trừ trẻ thứ 3 trở đi chưa đến tuổi đi học trong hộ gia đình.

Về các khoản phí ngoài phí trông trẻ và phí ăn tại cơ sở trông trẻ(khoản thu theo thực tế phát sinh)

Các cơ sở trông trẻ có thể thu thêm các khoản phí như phí tài liệu học tập, hội phí phụ huynh, v.v... Đối với các cơ sở trông trẻ tự lập có thể có những đồ chỉ định như đồng phục, cặp sách, v.v... nên vui lòng xác nhận trước khi đăng ký.

※ Có trường hợp phát sinh thêm phí phụ cần thiết ban đầu. Hãy liên hệ trực tiếp tới cơ sở trông trẻ để biết thêm chi tiết.

HỎI ĐÁP KHI BẮT ĐẦU GỬI TRẺ

- Q1. 市内で引っ越しをしましたが、何か手続きは必要ですか。Tôi chuyển địa chỉ trong Thành Phố, vậy tôi cần phải làm thủ tục gì?
- A1. 各施設長にお申し出ください。Hãy liên hệ đến hiệu trưởng cơ sở trông trẻ.
- Q2. 保育所を利用していますが、妊娠した場合でも引き続き利用できますか。その場合にはどのような手続きが必要ですか。Tôi đang gửi con tại cơ sở trông trẻ, trong trường hợp tôi có thai con tôi có thể tiếp tục được gửi không? Trong trường hợp này tôi cần phải làm thủ tục gì?
- A2. 速やかに母子手帳の「表紙」「出産予定日」ページのコピーを各施設事務室に提出してください。Hãy nộp bản copy trang bìa của sổ mẹ bé và trang có ngày dự sinh sau đó nộp tại văn phòng cơ sở trông trẻ.. 出産日の翌々月の末日までは、継続利用が可能です。その後、保育を必要とする事由を満たす場合については、さらに継続して利用が可能です。このうち、育児休業を取得する場合は、2～5 歳児クラスのみ継続利用が可能です。(0～1歳児クラスは、育児休業の認定を受けての保育所等利用ができないため、認定期間満了をもって退園となります。)なお、認定変更等の必要な手続きについては、別途ご案内します。Nếu ngày dự sinh là ngày cuối tháng của những tháng tiếp theo thì trẻ có thể tiếp tục được gửi tại cơ sở trông trẻ. Sau đó nếu người giám hộ đáp ứng được lý do cần thiết gửi trẻ thì trẻ vẫn tiếp tục được gửi tại cơ sở trông trẻ. Trong đó nếu người giám hộ đang trong thời gian nghỉ việc chăm sóc con nhỏ thì chỉ trẻ lớp 2～5 tuổi được tiếp tục được gửi tại cơ sở trông trẻ. (Trẻ lớp 0～1 tuổi không thể gửi tại cơ sở trông trẻ bằng chứng nhận lý do người giám hộ đang trong thời gian nghỉ việc chăm sóc con nhỏ nên sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ khi đã hết hạn chứng nhận). Thủ tục cần thiết cho việc thay đổi chứng nhận theo hướng dẫn riêng
- Q3. **Tháng sau tôi nghỉ việc vậy con tôi có phải rời khỏi cơ sở trông trẻ không?**
- A3. 保育を必要とする事由がない場合は、退園となります。就労することを目的として求職活動を行う場合は、継続利用が可能です。役所こども保育課への活動報告が必要)また、求職活動の認定期間内に就労(月 60 時間以上)を開始し、就労への認定変更手続きがあった場合に限り、継続利用が可能です。Nếu không có lý do cần thiết cho việc gửi trẻ, trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ. Nếu người giám hộ có hoạt động tìm việc làm trẻ vẫn có thể tiếp tục được gửi tại cơ sở trông trẻ. Trong trường hợp này cần thiết phải nộp báo cáo hoạt động xin việc tại phòng nhà trẻ Văn phòng hành chính Thành Phố. Nếu hết thời gian chứng nhận trên mà người giám hộ không tìm được việc làm (60 tiếng trở lên), trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ.
- Q4. 現在、認定こども園幼稚園部分を利用していますが、保育所部分に変更することはできますか。Hiện tại tôi đang gửi con tại bộ phận mẫu giáo tại trường mẫu giáo có tích hợp trông trẻ, tôi có thể thay đổi gửi con sang bộ phận trông trẻ không?
- A4. 保育を必要とする事由を満たし、利用可能枠に空きがある場合のみ可能です。事前に市役所こども育課での入所申込手続きとともに、認定変更の申請が必要です。利用調整の結果、案内できない場合は、幼稚園部分の利用(1 号認定)継続となり、利用可能枠に空きが出るまでお待ちいただくこととなります。Nếu người giám hộ đáp ứng lý do cần thiết cho việc gửi trẻ, có thể đăng ký thay đổi gửi trẻ sang bộ phận trông trẻ khi có chỗ trống.
- Q5. 現在認定こども園保育所部分を利用していますが、仕事を辞める予定です。幼稚園部分に変更となりますか。Hiện tại tôi đang gửi con tại bộ phận trông trẻ của trường mẫu giáo được, nhưng tôi dự định sẽ nghỉ việc. Vậy con tôi sẽ được chuyển sang bộ phận mẫu giáo phải không?
- A5. 今後も継続して保育を必要とする事由がない場合は、保育所等は退園となりますので、退園届等の提出をお願いします。また、幼稚園部分の利用手続きについては、必ず事前に施設にお問い合わせください。Nếu không còn lý do cần thiết để tiếp tục gửi trẻ, trẻ sẽ phải rời khỏi cơ sở trông trẻ, vì vậy phụ huynh vui lòng nộp đơn trẻ rời khỏi nhà trẻ. Ngoài ra, về thủ tục gửi trẻ tại bộ phận mẫu giáo, hãy liên hệ trước tới cơ sở trông trẻ.